

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HS-PT

Ngày: 29 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Ái Loan

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn T là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số:16/2021/TLPT-HS, ngày 06 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo có kháng cáo:

1. **Vương Tấn T**, sinh năm 1997; tại Trà Vinh. Nơi cư trú ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn D, sinh năm 1960 và bà Thạch Thị Đ, sinh năm 1974; chưa có vợ con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/7/2020 cho đến nay, có mặt.

2. **Hồng Văn V**, sinh năm 1988; tại Trà Vinh. Nơi cư trú ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Nuôi thủy sản; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồng Văn L, sinh năm 1964 và bà Trâm Thị N, sinh năm 1964; có vợ tên Tăng Thị Bích D, sinh năm 1989 và 02 người con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/7/2020 cho đến nay, có mặt.

3. **Diệp Thị Bích H**, sinh năm 1982; tại Trà Vinh. Nơi cư trú ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Khmer; giới tính: nữ; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Diệp C, sinh năm 1944 và bà Lâm Thị A, sinh năm 1951; có chồng tên Sơn H, sinh năm 1980 và 02 người con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/7/2020 cho đến nay, có mặt.

4. **Tăng Oanh N1**, sinh năm 1963; tại Trà Vinh. Nơi cư trú ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn):

08/12; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng S, sinh năm 1938 và bà Kiên Thị T1, sinh năm 1941; có vợ tên Thạch Thị Sa R, sinh năm 1961 và 01 người con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/7/2020 cho đến nay, có mặt.

5. **Lữ Thị G**, sinh năm 1985; tại Trà Vinh. Nơi cư trú ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ S1 (chết) và Tăng Thị S2, sinh năm 1963; có chồng tên Trầm Q, sinh năm 1983 và 02 người con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/7/2020 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Tăng Oanh N1: Bà Trần Thị H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo do không có kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/5/2020 khi bị cáo Nguyễn Tuấn T2 rủ rê bị cáo Vương Tấn T, bị cáo Hồng Văn V đi đánh bạc có sử dụng thiết bị camera, dụng cụ báo rung chơi gian lận, biết trước kết quả, sau khi thắng được sẽ chia nhau tiền thì bị cáo T, V đồng ý. Lúc này, bị cáo T2 mới đưa cho bị cáo V 01 (một) camera có dán băng keo hai mặt, 01 màn hình tự chế trên điện thoại di động và 01 thiết bị điều khiển bấm run. Bị cáo T2 đưa cho bị cáo T 01 thiết bị điện tử phát tín hiệu báo run, 01 gang tay để đeo che giấu thiết bị báo rung trên tay phải.

Sau đó, bị cáo T2 hướng dẫn bị cáo T, V cách sử dụng, nhận biết: Khi bị cáo V gắn camera vào đáy tô quay bông dụ của nhà cái, nếu kết quả (hiện ở màn hình tự chế trên điện thoại di động) ra cửa nhất (01 nút), thì bị cáo V bấm run 01 lần ngắn cho bị cáo T biết, nếu ra cửa nhì (02 nút) thì bấm run 02 (hai) lần ngắn, nếu ra cửa tam (03 nút) thì bấm run 03 (ba) lần ngắn, nếu ra cửa tứ (04 nút) thì bấm run 01 lần run dài; nếu ra cửa ngẫu (05 nút) bấm run 01 lần dài với 01 lần run ngắn và nếu ra cửa lát (06 nút) thì bấm run 02 lần dài cho bị cáo T biết để đặt cược.

Bị cáo T2 biết khu vực ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh thường có đánh bông dụ thắng thua bằng tiền ăn thua lớn nên bị cáo T2 kêu bị cáo T, bị cáo V mang số dụng cụ trên đến ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh để tìm người chơi đánh bạc. Bị cáo V đi đến địa điểm đánh bạc trước, nhưng chưa vào mà đến quán nước đối diện ngồi chờ, đợi bị cáo T đến sẽ cùng vào, còn bị cáo T đi sau. Khi đi, bị cáo T2 đưa cho bị cáo T số tiền dùng để làm vốn đánh bạc là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Sau đó, bị cáo T đi đến nhà bị cáo Diệp Thị Bích H để tìm người đánh bạc. Khi gặp T, bị cáo H mới dùng điện thoại của mình gọi điện rủ bị cáo Lữ Thị

G, bị cáo Tăng Oanh N1 đến nhà để đánh bạc với bị cáo T. Bị cáo G, bị cáo Oanh N1 đồng ý đi và G mang theo bộ dụng cụ chơi bông dũ gồm 01 cái tô, 01 cái đĩa và 01 tấm giấy màu nâu có chiều dài 75 x 50 cm (bàn dũ), bị cáo Oanh N1 lấy theo 01 con dũ. Đến nhà bị cáo H bị cáo Oanh N1 với bị cáo G thỏa thuận hùn nhau làm nhà cái theo tỷ lệ Oanh N1 60%, G 40%. Bị cáo H bố trí địa điểm đánh bạc tại nhà sau của mình. Khi bị cáo G, Oanh N1 đồng ý đến chơi đánh bạc, bị cáo H gọi điện thông báo cho bị cáo T biết để đến tham gia chơi.

Sau khi biết có người đến nhà bị cáo H đánh bạc, bị cáo T, bị cáo V lần lượt đi đến nhà của bị cáo H để tham gia đánh bạc theo hướng dẫn của bị cáo T2. Khi bắt đầu đánh bạc, bị cáo G trực tiếp làm nhà cái quay con dũ và sử dụng số tiền 7.000.000 đồng để đánh bạc, còn bị cáo Oanh N1 nằm võng quan sát, những người tham gia đặt gồm bị cáo T, bị cáo V, bị cáo H và bị cáo Thạch C1, trong đó các bị cáo T, V, H và C1 lần lượt sử dụng số tiền dùng để đánh bạc là: (T 10.000.000 đồng, V 2.000.000 đồng, H 50.000 đồng và C1 60.000 đồng). Tham gia chơi được một vài ván (bàn), thì bị cáo C1 thua 40.000 đồng, bị cáo V 600.000 đồng, còn bị cáo H không thắng không thua, còn bị cáo T có thắng, có thua không rõ bao nhiêu. Lúc này, lần lượt bị cáo H, bị cáo C1 nghỉ tham gia chơi, còn lại chỉ bị cáo V, bị cáo T ngồi đặt.

Lợi dụng lúc nhà cái (bị cáo G) không tập trung, để ý, bị cáo V mới gắn camera vào đáy tô và không trực tiếp tham gia đánh bạc nữa mà đứng bên ngoài kiểm tra kết quả qua camera, khi thấy được kết quả, bị cáo V thông báo cho bị cáo T biết theo như hướng dẫn ban đầu của bị cáo T2 để bị cáo T biết và đặt số tiền lớn, còn ván nào không biết được kết quả thì đặt nhỏ. Kết quả, một số ván bị cáo T lần lượt thắng được số tiền nhà cái cụ thể như sau: Ván bị cáo T đặt cược số tiền 4.000.000 đồng (hình thức bao 2, tức đặt 01 trúng 02, không cho sanh sữa), kết quả bị cáo T thắng được 8.000.000 đồng. Do bị cáo G không đủ tiền để trả nên bị cáo Oanh N1 lấy ra 6.000.000 đồng đưa cho bị cáo G trả và thay bị cáo G làm cái, quay con dũ; ván đặt 6.000.000 đồng (hình thức đặt 1 về 4, 2) kết quả T thắng được 15.000.000 đồng. Do không đủ tiền nên bị cáo Oanh N1 kêu bị cáo G về gặp bà Thạch Thị Sa R (vợ bị cáo Oanh N1) lấy 10.000.000 đồng đem lại trả cho bị cáo T; ván đặt cược 10.000.000 đồng (hình thức đặt 1, 6 về 5), kết quả T thắng được 10.000.000 đồng, bị cáo G tiếp tục về nhà của mình lấy thêm 20.000.000 đồng đưa cho bị cáo Oanh N1 trả cho bị cáo T. Ván sau cùng, bị cáo T tiếp tục đặt cược 10.000.000 đồng (hình thức 6, 3 về 2), kết quả T thắng được 10.000.000 đồng.

Bị cáo Oanh N1, bị cáo G chung đủ số tiền thắng cho bị cáo T, nhà cái (G, Oanh N1) còn lại số tiền 2.000.000 đồng, sợ chơi tiếp sẽ không đủ tiền chung nên nghỉ. Bị cáo Oanh N1 đưa số tiền 2.000.000 đồng cho bị cáo G cất giữ. Sau khi nghỉ đánh bạc, bị cáo T, Oanh N1 lần lượt cho tiền xâu bị cáo H 500.000 đồng và 100.000 đồng. Cho tiền xâu xong, bị cáo V, bị cáo T mang các thiết bị chơi đánh bạc gian lận, cùng với số tiền đánh bạc nhanh chóng đi ra quán nước Điểm Hẹn thuộc ấp C, xã G, huyện Trà Cú gặp bị cáo T2 để chia tiền và trả thiết bị (trừ camera do còn dính trong đáy tô không lấy được). Bị cáo T2 trực tiếp đếm tiền và chia tiền, bị cáo T2 lấy lại số tiền vốn 10.000.000 đồng, bồi thường tiền camera bị mất là 6.000.000 đồng, đưa cho bị cáo V 600.000 đồng (tiền cá

nhân bị cáo V đánh bạc thua), số tiền còn lại bị cáo T2 lần lượt chia như sau: bị cáo V 11.300.000 đồng, bị cáo T 7.800.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo T2 cất giữ, sau đó cùng nhau ra về.

Bị cáo G sau khi nghỉ chơi, mang dụng cụ đánh bạc về nhà thì phát hiện camera dưới đáy tô nên thông báo cho bị cáo Oanh N1 biết. Sau đó, một số người bạn của chồng bị cáo G đi tìm bị cáo V, bị cáo T để lấy lại số tiền đánh bạc đã thua. Lúc này, bị cáo T bị một số người bạn của chồng bị cáo G dùng tay đánh gây thương tích nhẹ, bị cáo T trình báo sự việc bị đánh với cơ quan C1 an huyện Trà Cú và đã tự khai vụ đánh bạc. C1 an huyện Trà Cú tiến hành mời các bị cáo H, G, Oanh N1, V, C1 và T2 làm việc. Các bị cáo đã thừa nhận hành vi đánh bạc của mình, chỉ riêng một mình bị cáo T2 không thừa nhận.

Qua điều tra đã xác định được như sau:

- Bị cáo Lữ Thị G, Tăng Oanh N1 sử dụng số tiền 43.000.000 đồng dùng để đánh bạc, trong đó của bị cáo G là 27.000.000 đồng, còn lại 16.000.000 đồng là của bị cáo Oanh N1. Hai bị cáo hùn làm cái theo tỷ lệ 4/6, như thỏa thuận. Bị cáo G, Oanh N1 liên tục thay phiên nhau làm nhà cái nhiều ván để các tay con (các bị cáo V, T, C1 và H) đặt cược. Kết quả sau nghỉ chơi, hai bị cáo thua hết số tiền 41.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng bị cáo G giữ.

- Bị cáo Hồng Văn V sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, với vai trò tay con đặt. Tham gia chơi đánh bạc nhiều ván, kết quả thua 600.000 đồng.

- Bị cáo Vương Tấn T sử dụng số tiền 10.000.000 đồng bị cáo T2 đưa để đánh bạc, với vai trò tay con đặt. Tham gia chơi đánh bạc liên tục nhiều ván. Sau khi kết thúc việc đánh bạc, kết quả bị cáo T thắng được số tiền hơn 41.000.000 đồng.

- Bị cáo Thạch C1 sử dụng số tiền 60.000 đồng để đánh bạc, với vai trò tay con đặt. Bị cáo C1 tham gia chơi một vài ván, sau đó nghỉ chơi trước khi kết thúc việc đánh bạc, kết quả thua 40.000 đồng.

- Bị cáo Diệp Thị Bích H sử dụng số tiền 50.000 đồng để đánh bạc, với vai trò tay con đặt. Bị cáo H tham gia chơi một vài ván, sau đó nghỉ chơi trước khi kết thúc việc đánh bạc, kết quả không thắng không thua.

Như vậy tổng số tiền đánh bạc của các bị cáo Lữ Thị G, Tăng Oanh N1, Vương Tấn T, Hồng Văn V và Nguyễn Tuấn T2 là 55.110.000 đồng. Riêng Thạch C1, Diệp Thị Bích H là 19.110.000 đồng (do hai bị cáo C1, H chỉ tham gia đánh bạc một vài ván, sau đó đã nghỉ trước khi kết thúc việc đánh bạc).

Về việc thu giữ, tạm giữ T liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

- Tạm giữ của bị cáo Diệp Thị Bích H: 01 (một) điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số sim: 0768850725; số IMEI 1: 355849094397255; số IMEI 2: 355849099397268; Số tiền 650.000 (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tạm giữ của bị cáo Lữ Thị G: 01 ĐTDD nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số sim: 0869101247; số IMEI 1: 357699100282571; số IMEI 2: 357699100782570; 01 cái đĩa miễn kiểu đường kính 26cm; 01 tấm giấy màu nâu có chiều dài 75 x 50 cm (bàn dụ); Số tiền 2.000.000 (Hai triệu đồng).

- Tạm giữ của bị cáo Tăng Oanh N1: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA, màu xanh, số sim: 0971014617; số IMEI: 358280033434198; 01 cái tô có chiều cao 16cm, đường kính 17cm; 01 con dũa hình lục giác; 01 thiết bị điện tử có lắp camera.
- Tạm giữ của bị cáo Vương Tấn T: 7.800.000 đồng.
- Tạm giữ của bị cáo Hồng Văn V 13.300.000 đồng.
- Tạm giữ của bị cáo Thạch C1 20.000 đồng
- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Tuấn T2:
- + 01 màn hình tự chế trên điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen bạc.
- + 01 vật màu trắng bằng nhựa, có nút bấm màu đỏ, kích thước dài 8,5cm, rộng 3,5cm, cao 1,5cm, có gắn thanh kim loại (ăng ten) có thể kéo dài 19cm.
- + 01 vật bằng nhựa màu trắng, có quần bằng keo màu đen, kích thước dài 06cm, rộng 04cm, cao 1,5cm.
- + 06 (Sáu) cái đĩa bằng nhôm.
- + 01 cái thao nhôm, xung quanh có quần bằng keo hai mặt màu đen.
- + 01 cái tô bằng nhựa màu trắng.
- + 02 (Hai) hộp hình trụ bằng giấy dùng để chơi bầu cua.
- + 09 (Chín) hột bầu cua.
- + 01 con dũa màu trắng có sáu mặt.
- + 01 tấm giấy là bàn đặt bầu cua có sáu hình (Bầu, cua, nai, cá, tôm, gà).
- + 01 ĐTDĐ, nhãn hiệu Sam Sung, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 352812101532069/01; số IMEI 2: 352813101532067/01.
- + 01 vật bằng nhựa màu trắng, có bốn nút bấm màu đen có chữ ABCD, kích thước dài 9,5cm, rộng 4cm, cao 1,5cm có gắn thanh kim loại (ăng ten) kéo dài 24cm.
- + 01 vật bằng nhựa màu đen, có nút bấm màu đỏ, kích thước dài 06cm, rộng 04cm, cao 1,5cm có gắn thanh kim loại (ăng ten) kéo dài 07cm.
- + 01 vật bằng nhựa màu trắng, có ghi chữ D304, kích thước dài 10,5cm, rộng 2,5cm, cao 1,5cm.
- + 01 vật bằng nhựa màu đen, có ghi chữ EACHINE, kích thước dài 06cm, rộng 04cm, cao 01cm.
- + 03 (Ba) cục sạc pin màu xanh hồng, trong đó có 02 cục nổi dây điện màu trắng.
- + 01 thiết bị điện tử, có quần bằng keo màu trắng, kích thước dài 2,5cm, rộng 01cm, cao 01cm, dán bằng keo màu đen, có lắp camera.
- + 01 thiết bị điện tử, có quần bằng keo màu trắng, kích thước dài 2,5cm, rộng 01cm, cao 01cm, dán bằng keo màu đen, có gắn một dây kim loại dài 3,5cm, có lắp camera.
- + 02 cục pin màu trắng đen, nhãn hiệu Panasonic 1,5V.
- + 01 cục pin nhãn hiệu NOKIA BL-5C 3,7C.
- + 01 cuộn băng keo hai mặt màu đen, đã qua sử dụng.

Đối với cái găng tay của bị cáo T2 đưa cho bị cáo T đeo thiết bị điện tử báo rung trên tay thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú không thu giữ được. Do sau khi đánh bạc xong, bị cáo T ra về làm rơi mất.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2021/HS-ST ngày 22 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Diệp Thị Bích H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tuấn T2 (Long Tứ), Vương Tấn T, Hồng Văn V, Diệp Thị Bích H, Lữ Thị G, Tăng Oanh N1 và bị cáo Thạch C1 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17, 38; khoản 2 Điều 51, điểm h, m khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn T2 (Long Tứ) 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17, Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm m khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hồng Văn V 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Tăng Oanh N1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17, Điều 38; điểm n, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lữ Thị G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17, Điều 38; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm m khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vương Tấn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Thạch C1 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng)

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322, Điều 38, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Diệp Thị Bích H 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Diệp Thị Bích H 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù của tội “Tổ chức đánh bạc” với hình phạt 06 (sáu) tháng tù của tội “Đánh bạc”. Buộc bị cáo Diệp Thị Bích H phải chấp hành hình phạt chung bằng 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo bản án và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, bị cáo Vương Tấn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần

đầu do bị rủ rê, lôi kéo, bị cáo có ông cô là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo đang phụng dưỡng ông ngoại già yếu và cha mẹ bị cáo đều bệnh tim (cha bị nhồi máu cơ tim, mẹ bị hở van tim) bị cáo là lao động chính kiếm tiền lo cho ông ngoại và cha mẹ, bị cáo đã tích cực hợp tác và khai báo về hành vi phạm tội.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, bị cáo Hồng Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do bị cáo là lao động chính nuôi cha mẹ già thường đau yếu bệnh tật, mất sức lao động nhiều năm qua, bị cáo có 02 con nhỏ (01 bé 07 tuổi và 01 bé 02 tuổi). Bị cáo mới vi phạm lần đầu, bị cáo tự thú trong quá trình điều tra.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, bị cáo Diệp Thị Bích H kháng cáo xin hưởng án treo lý do bị cáo là người dân tộc Khmer, am hiểu về pháp luật có phần hạn chế, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, bản thân bị cáo đang bị bệnh viêm mũi nặng phải điều trị theo sự chỉ định của bác sĩ hàng tháng.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, bị cáo Tăng Oanh N1 kháng cáo xin hưởng án treo lý do bị cáo là người dân tộc Khmer, am hiểu về pháp luật có phần hạn chế, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, bản thân bị cáo đang bị bệnh phải điều trị theo sự chỉ định của bác sĩ hàng tháng.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 bị cáo Lữ Thị G kháng cáo xin được hưởng án treo lý do đang nuôi con nhỏ mới 02 tháng tuổi và hiện là lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ chồng già 80 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Vương Tấn T tranh luận tại phiên tòa: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo hưởng án treo với lý do bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu do bị rủ rê, lôi kéo, bị cáo hoàn toàn không trực tiếp gắn cái Camera vào đáy tô, mà chỉ đeo thiết bị báo rung vào cánh tay theo sự chỉ dẫn của bị cáo T2, nên bản án sơ thẩm cho rằng bị cáo dùng phương thức phạm tội tinh vi, xảo quyệt là không đúng. Bị cáo có ông cô là người có công với Cách mạng, được nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, cha mẹ bị cáo đều bệnh tim (cha bị nhồi máu cơ tim, mẹ bị hở van tim) bị cáo có cung cấp bệnh án cho Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm.

Bị cáo Hồng Văn V tranh luận tại phiên tòa: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo, vì hoàn cảnh bị cáo có gia đình đơn chiếc, cha mẹ già thường đau yếu bệnh tật, mất sức lao động nhiều năm qua, bị cáo có 02 con nhỏ (01 bé 07 tuổi và 01 bé 02 tuổi), bị cáo mới vi phạm lần đầu, bị cáo tự thú trong quá trình điều tra, giúp cơ quan điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án.

Bị cáo Diệp Thị Bích H trình bày tranh luận tại phiên tòa: Trong thời gian qua bản thân bị cáo nhận thấy mình có lỗi, hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng do trình độ học vấn thấp, là người dân tộc Khmer, am hiểu về pháp luật có phần hạn chế nên bị cáo thiếu suy nghĩ mà phạm tội, trong thời gian chờ Tòa xét xử bị cáo bị tai nạn giao thông dẫn đến bị đau chân và viêm mũi nặng phải điều trị theo sự chỉ định của bác sĩ.

Bị cáo Tăng Oanh N1 trình bày tranh tụng tại phiên tòa: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, vì thiếu am hiểu pháp luật mà bị cáo

phạm tội, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, bản thân bị cáo đang bị bệnh phải điều trị theo sự chỉ định của bác sĩ.

Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Tăng Oanh N1 trình bày: Bị cáo Tăng Oanh N1 xin được hưởng án treo là phù hợp, vì theo quy định khung hình phạt từ 03 năm tù trở xuống thì có thể xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy trong vụ án này bị cáo Tăng Oanh N1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đặc biệt bị cáo là người dân tộc sống ở vùng kinh tế khó khăn, bị cáo mới phạm tội lần đầu và rất ăn năn hối hận trong thời gian qua, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Lữ Thị G trình bày tranh luận tại phiên tòa: Xin cho bị cáo được hưởng án treo, vì bản thân bị cáo không biết chữ, sống ở vùng nông thôn nên không am hiểu về pháp luật.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Vương Tấn T, Hồng Văn V, Diệp Thị Bích H, Tăng Oanh N1, Lữ Thị G là trong thời hạn nên đề nghị xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Đối với kháng cáo của bị cáo Vương Tấn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa hôm nay những tình tiết bị cáo nêu đã được cấp sơ thẩm xem xét trước khi lượng hình, bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết nào mới làm thay đổi khung hình phạt đối với bị cáo. Trong phần tranh tụng bị cáo có nêu bị cáo không có hành vi dùng thủ đoạn tinh vi là không đúng. Vì trước khi đi đánh bạc để ăn thua bằng tiền thì giữa bị cáo T, bị cáo T2 và bị cáo V đã có sắp đặt trước dùng thiết bị điện tử nhằm mục đích gian lận để ăn thua bằng tiền nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án cấp sơ thẩm tuyên cho bị cáo T.

Đối với kháng cáo của bị cáo Hồng Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa hôm nay những tình tiết bị cáo nêu đã được cấp sơ thẩm xem xét trước khi lượng hình, bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết nào mới làm thay đổi khung hình phạt đối với bị cáo. Trong phần tranh tụng bị cáo V cũng cho rằng bị cáo không có hành vi dùng thủ đoạn tinh vi, mách khéo là không đúng. Vì trước khi đi đánh bạc để ăn thua bằng tiền thì giữa bị cáo T, bị cáo T2 và bị cáo V đã có sắp đặt trước dùng thiết bị điện tử nhằm mục đích gian lận để ăn thua bằng tiền. Bị cáo cũng không thuộc trường hợp tự thú, vì sau khi bị phát hiện và qua đấu tranh thì bị cáo mới thừa nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án cấp sơ thẩm tuyên cho bị cáo V.

Đối với kháng cáo của bị cáo Diệp Thị Bích H kháng cáo xin hưởng án treo. Tại phiên tòa hôm nay những tình tiết bị cáo nêu đã được cấp sơ thẩm xem xét trước khi lượng hình, bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết nào mới làm thay đổi khung hình phạt đối với bị cáo. Trong vụ án này bị cáo phạm 02 tội cùng một lúc, là người rủ rê, lôi kéo, tổ chức và tạo điều kiện để các con bạc đánh bạc ăn thua với nhau bằng tiền tại chính căn nhà của bị cáo. Bị cáo có thu tiền xâu và cũng trực tiếp tham gia đánh bạc có ăn thua bằng tiền.

Bị cáo bị xử phạt 02 tội cùng một lúc nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án cấp sơ thẩm tuyên cho bị cáo H.

Đối với kháng cáo của bị cáo Tăng Oanh N1 kháng cáo xin hưởng án treo. Tại phiên tòa hôm nay những tình tiết bị cáo nêu đã được cấp sơ thẩm xem xét trước khi lượng hình, bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết nào mới làm thay đổi khung hình phạt đối với bị cáo. Trong vụ án này bị cáo bị cáo lớn tuổi nhất, lẽ ra với tuổi đời này thì bị cáo phải là người nêu gương, nhưng ngược lại bị cáo xem thường pháp luật, dùng số tiền lớn để tham gia đánh bạc, có tính sát phạt lớn. Việc tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là xử ở mức thấp nhất của khung hình phạt nên không có căn cứ nào để xem xét cho bị cáo hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án cấp sơ thẩm tuyên cho bị cáo Tăng Oanh N1.

Đối với kháng cáo của bị cáo Lữ Thị G kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa hôm nay những tình tiết bị cáo nêu đã được cấp sơ thẩm xem xét trước khi lượng hình, bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết nào mới làm thay đổi khung hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo dùng số tiền lớn để tham gia đánh bạc ăn thua và có tính sát phạt cao. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 nên cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố đối với bị cáo là đã có tính khoan hồng nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án cấp sơ thẩm tuyên cho bị cáo G.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của các bị cáo để giảm nhẹ hình phạt và xin cho các bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo T nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo và phải đối diện sự trừng trị của pháp luật nhưng vì hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng xin Hội đồng xét xử xem xét, có tính khoan hồng cho bị cáo; Bị cáo V nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng cũng xin Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo để bị cáo có điều kiện nuôi cha mẹ, vợ, con của bị cáo; Bị cáo H cũng xin Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện đi điều trị bệnh và chăm sóc gia đình; Bị cáo Tăng Oanh N1 xin Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo; Bị cáo G mong muốn Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo để bị cáo nuôi dạy con còn quá nhỏ, mong muốn lớn nhất của bị cáo là nuôi con và cho con được đến trường học biết chữ để không còn dốt chữ như bị cáo nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Vương Tấn T, Hồng Văn V, Diệp Thị Bích H, Tăng Oanh N1, Lữ Thị G là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo Vương Tấn T, Hồng Văn V, Diệp Thị Bích H, Tăng Oanh N1, Lữ Thị G khai nhận hành vi phạm tội giống như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ thu thập được. Các bị cáo Vương Tấn T, Hồng Văn V khai nhận vào ngày 16/5/2020 qua sự rủ rê và chỉ dẫn sử dụng thiết bị camera, dụng cụ báo rung của bị cáo Nguyễn Tuấn T2 để đánh bạc gian lận có ăn thua bằng tiền thì 02 bị cáo đã hưởng ứng và trực tiếp thực hiện, kết quả bị cáo T đã thắng cược qua hành động tinh vi, gian lận là có thật. Bị cáo Tăng Oanh N1, bị cáo Lữ Thị G khi nghe bị cáo H điện thoại rủ đánh bạc thì các bị cáo đồng ý và mang theo dụng cụ chơi bông dũ và 01 con dũ, 02 bị cáo này đã sử dụng số tiền lớn để tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền và có thỏa thuận hùn nhau làm nhà cái với tỷ lệ bị cáo Tăng Oanh N1 60%, bị cáo G 40%. Tổng số tiền đánh bạc của các bị cáo Vương Tấn T, Hồng Văn V, Tăng Oanh N1, Lữ Thị G là 55.110.000 đồng. Như vậy, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Vương Tấn T, Hồng Văn V, Tăng Oanh N1, Lữ Thị G về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật;

[3] Đối với bị cáo Diệp Thị Bích H, mặc dù không có chủ ý sử dụng nhà của mình cho các đối tượng tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền từ trước, nhưng sau khi được bị cáo T rủ rê thì đã chủ động dùng điện thoại của mình rủ rê bị cáo Tăng Oanh N1, bị cáo Lữ Thị G đến nhà để đánh bạc và bị cáo H cũng trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền là 50.000 đồng, trực tiếp thu tiền xâu với số tiền là 600.000 đồng. Như vậy, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Diệp Thị Bích H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự và tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Vương Tấn T, Hồng Văn V: Hội đồng xét xử nhận thấy về vai trò của bị cáo V và bị cáo T có vai trò chỉ sau bị cáo T2. Vì sau khi được cung cấp thiết bị, dụng cụ điện tử để đánh bạc gian lận và nhận tiền của bị cáo T2 thì bị cáo T đến khu vực ấp R, xã T chủ động đến nhà bị cáo Diệp Thị Bích H để rủ rê, tìm người đánh bạc, bị cáo V đã hỗ trợ đắc lực cho bị cáo T khi thực hiện gắn camera vào đáy tô rồi đứng bên ngoài kiểm tra kết quả, khi thấy được kết quả, bị cáo V thông báo cho bị cáo T biết để đặt cược với số tiền lớn để được thắng cược, hành vi này có tính chất gian lận, tinh vi và manh khéo. Với tuổi đời và nhận thức của các bị cáo biết rõ hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc ăn thua bằng tiền có giá trị lớn là vi phạm pháp luật, là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương, đánh bạc là một trong những tệ nạn xã hội làm cho nhiều người tan nhà nát cửa, phát sinh mâu thuẫn gia đình dẫn đến tan vỡ H phúc gia đình và đánh bạc còn được xem là một trong những nguyên nhân phát sinh tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T và bị cáo V cũng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới dẫn đến thay đổi mức hình phạt cho hai bị cáo.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Diệp Thị Bích H: Hội đồng xét xử nhận thấy đối với bị cáo Diệp Thị Bích H, mặc dù không có chủ ý sử dụng nhà của mình cho các đối tượng tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền từ trước, nhưng sau khi được bị cáo T rủ rê thì đã chủ động dùng điện thoại của mình rủ rê bị cáo Tăng Oanh N1, bị cáo Lữ Thị G đến nhà để đánh bạc và bị cáo H cũng trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền là 50.000 đồng, trực tiếp thu tiền xâu với số tiền là 600.000 đồng. Trong vụ án này bị cáo phạm 02 tội cùng một lúc, là người rủ rê, lôi kéo, tổ chức và tạo điều kiện để các con bạc đánh bạc ăn thua với nhau bằng tiền tại chính căn nhà của bị cáo. Bị cáo có thu tiền xâu và cũng trực tiếp tham gia đánh bạc có ăn thua bằng tiền. Bị cáo bị xử phạt 02 tội cùng một lúc nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo H cũng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới dẫn đến thay đổi mức hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Tăng Oanh N1, Lữ Thị G: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo G và bị cáo Tăng Oanh N1 có vai trò ngang nhau khi sử dụng C1 cụ đánh bạc và làm nhà cái về tội đánh bạc và chỉ sau vai trò của bị cáo T, bị cáo V. Mặc dù bị cáo Tăng Oanh N1 bỏ ra số tiền 16.000.000 đồng, tức ít hơn số tiền bị cáo G bỏ ra (27.000.000đồng), nhưng thỏa thuận tỷ lệ hùn cao hơn bị cáo G, nên khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét vai trò của bị cáo Tăng Oanh N1 cao hơn bị cáo G là đúng.

Đối với bị cáo G, đã hưởng ứng tích cực trong việc tham gia đánh bạc, làm nhà cái và sử dụng số tiền lớn để thắng thua với con bạc. Mặc dù thỏa thuận tỷ lệ phần hùn ít hơn bị cáo Tăng Oanh N1 nhưng bị cáo lại bỏ ra số tiền lớn hơn để tham gia chơi bạc. Cấp sơ thẩm khi lượng hình cũng đã xem xét, cân nhắc hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và áp dụng khoản 1 Điều 54 của bộ luật hình sự xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nên việc cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo 02 năm 06 tháng tù là thỏa đáng, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng không cung cấp được tình tiết nào mới dẫn đến thay đổi mức hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét về hoàn cảnh hiện tại của bị cáo đang nuôi con nhỏ, bản thân thất học (không biết chữ), sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, tuy là dân tộc kinh nhưng bị cáo không nói được tiếng kinh mà sử dụng tiếng Khmer là chính, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc con nhỏ, thực hiện mong muốn thay đổi cuộc đời của các con bị cáo cũng là tính khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử không cho bị cáo hưởng án treo nhưng xem xét giảm cho bị cáo 06 tháng tù.

Xét tính chất vụ án đánh bạc là nghiêm trọng, tổng số tiền đánh bạc ở mức khởi điểm của khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự, trong khi mức thu nhập bình quân ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là cao. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mức án 02 (hai) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Vương Tấn T, mức án 03 (ba) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với Hồng Văn V, mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với Diệp Thị Bích H, mức án 03 (ba) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với Tăng Oanh N1, là đã đánh giá toàn diện khách quan và tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cũng không cung cấp

bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới làm thay đổi mức hình phạt đối với từng bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T, V và cũng như cho các bị cáo được hưởng án treo. Từ đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Riêng bị cáo Lữ Thị G thì như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử quyết định giảm cho bị cáo 06 (sáu) tháng tù.

[7] Xét lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo Tăng Oanh N1 không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Vương Tấn T, Hồng Văn V, Diệp Thị Bích H, Tăng Oanh N1 không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Kháng cáo của bị cáo Lữ Thị G được chấp nhận 01 phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Vương Tấn T, Hồng Văn V, Diệp Thị Bích H, Tăng Oanh N1.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lữ Thị G.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2021/HS-ST, ngày 22 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố: Bị cáo Diệp Thị Bích H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố: Các bị cáo Vương Tấn T, Hồng Văn V, Diệp Thị Bích H, Lữ Thị G, Tăng Oanh N1 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17, Điều 38; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm m khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Vương Tấn T** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Hồng Văn V** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Tăng Oanh N1** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm n, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lữ Thị G** 02 (hai) tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Diệp Thị Bích H** 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Diệp Thị Bích H** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù của tội “Tổ chức đánh bạc” với hình phạt 06 (sáu) tháng tù của tội “Đánh bạc”. Buộc bị cáo **Diệp Thị Bích H** phải chấp hành hình phạt chung bằng 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo **Vương Tấn T**, **Hồng Văn V**, **Diệp Thị Bích H**, **Tăng Oanh N1**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo **Lữ Thị G** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Trại giam;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp;
- UBND thị trấn T;
- UBND xã H;
- Các Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Châu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh ái Loan

Nguyễn Văn Thành

Ngô Thị Kim Châu

